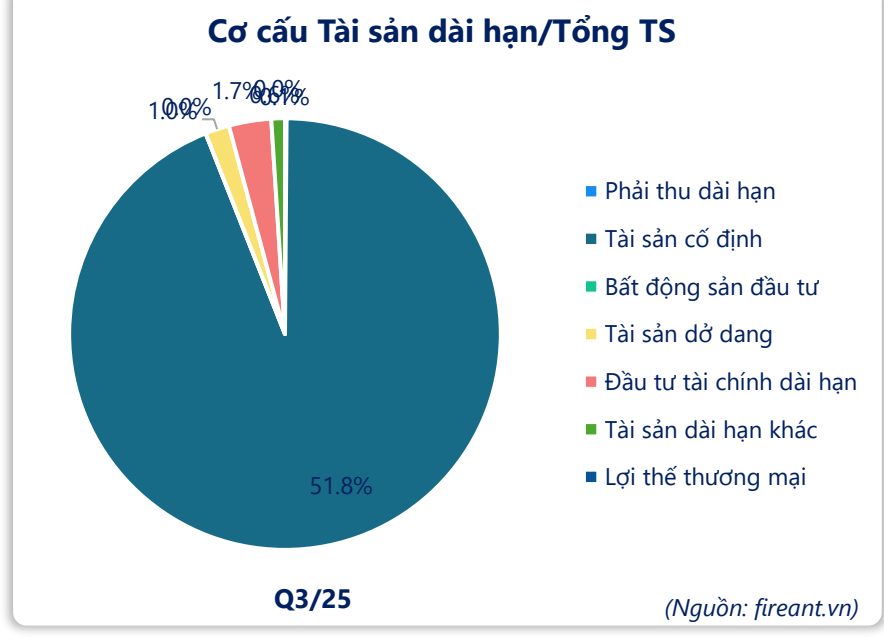
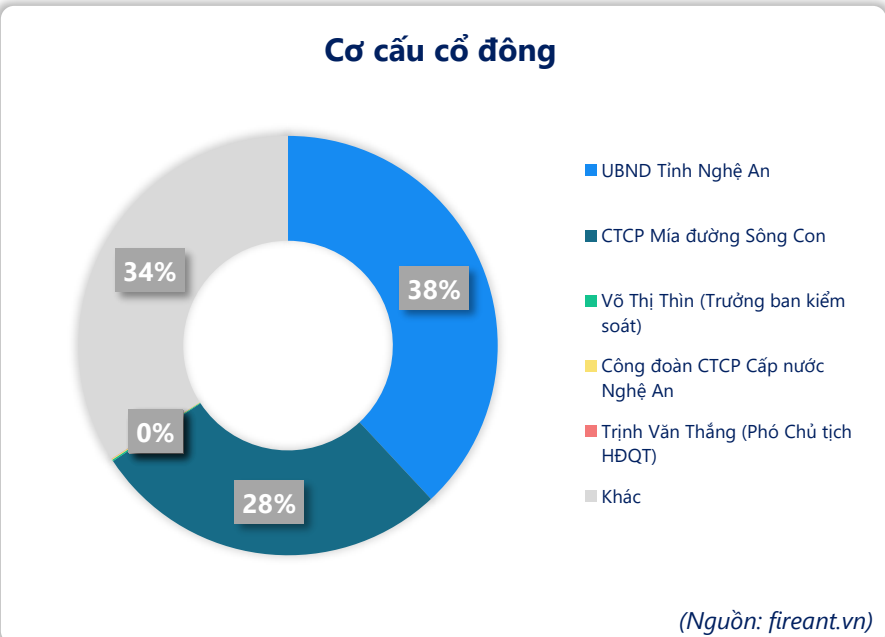
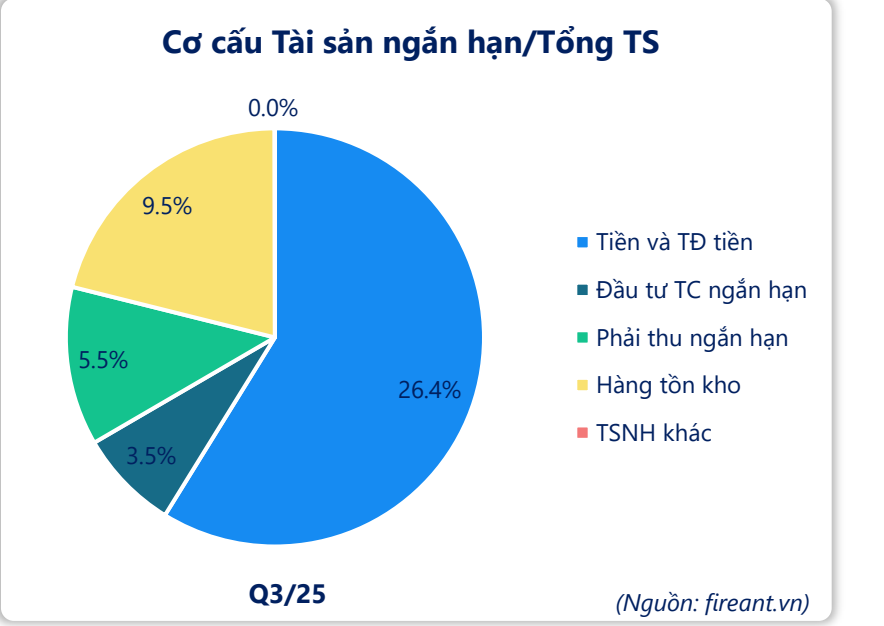
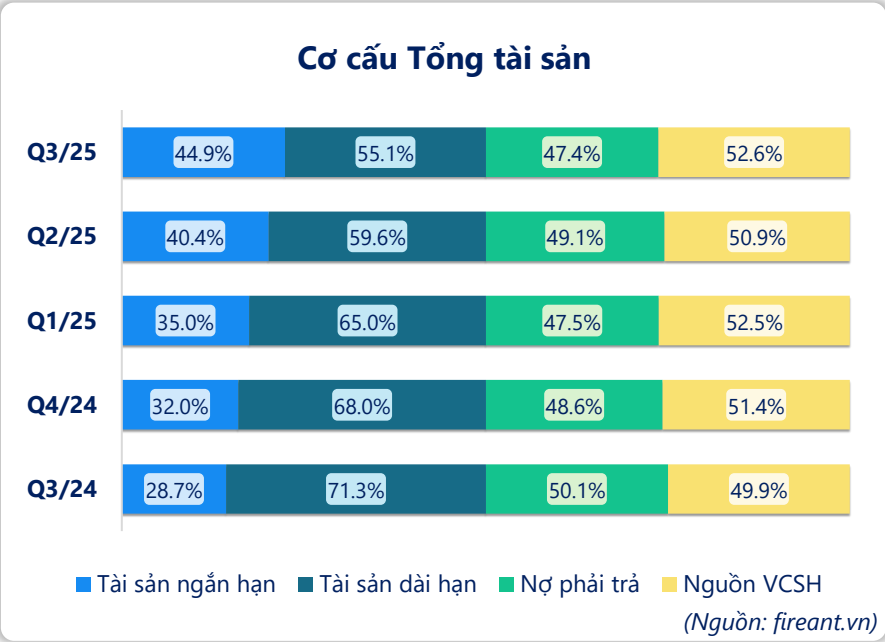
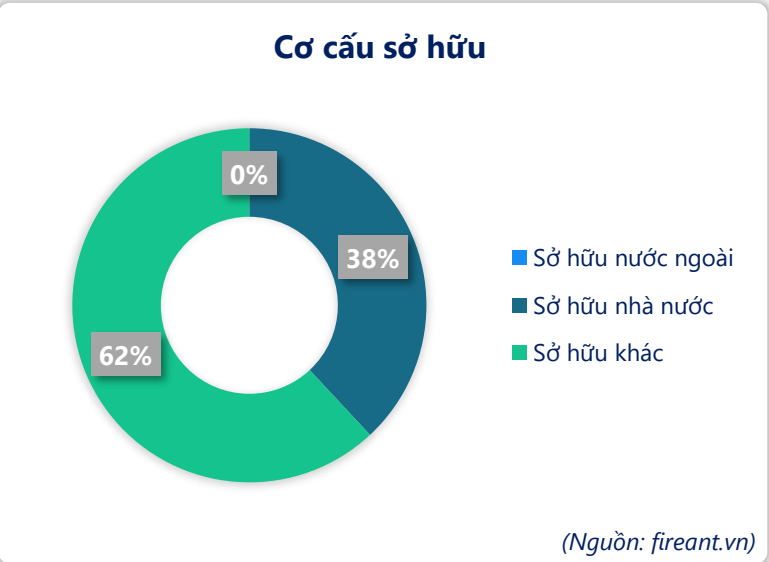
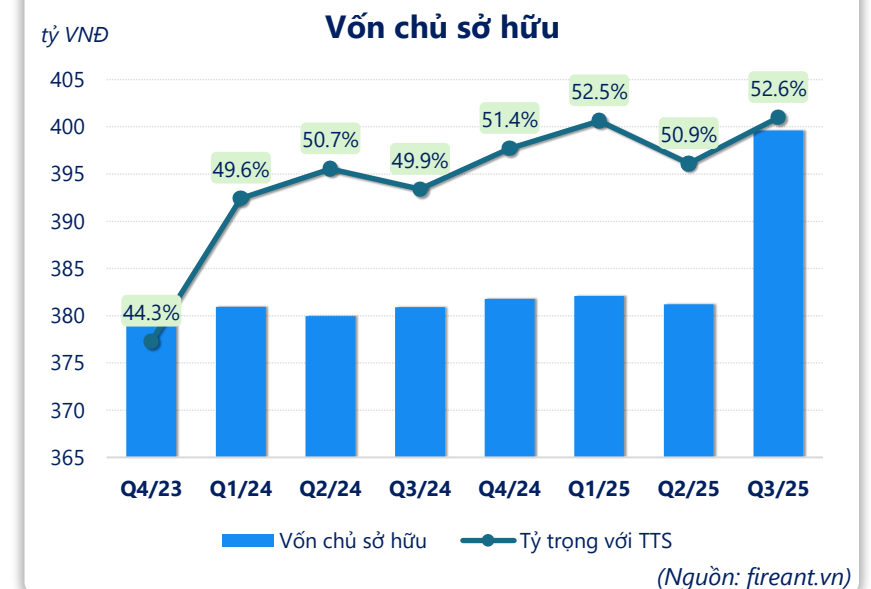
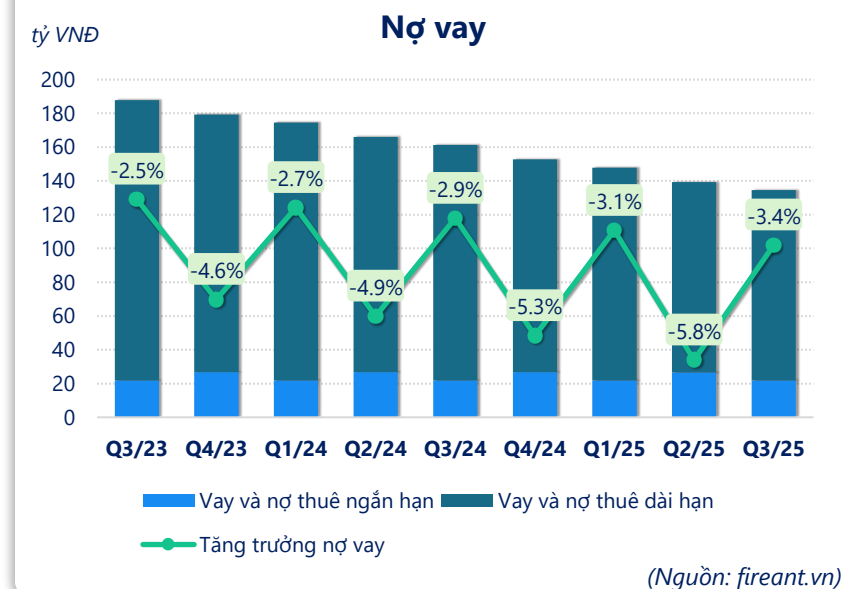
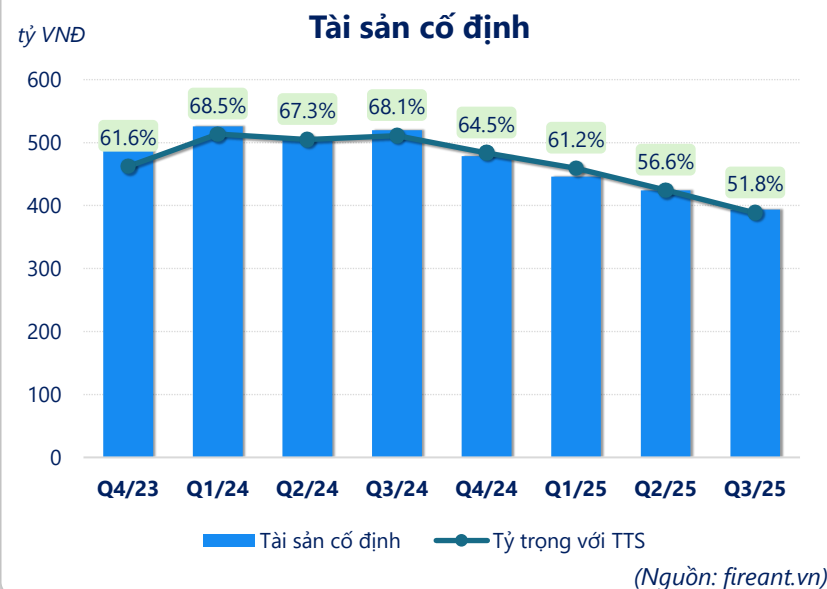
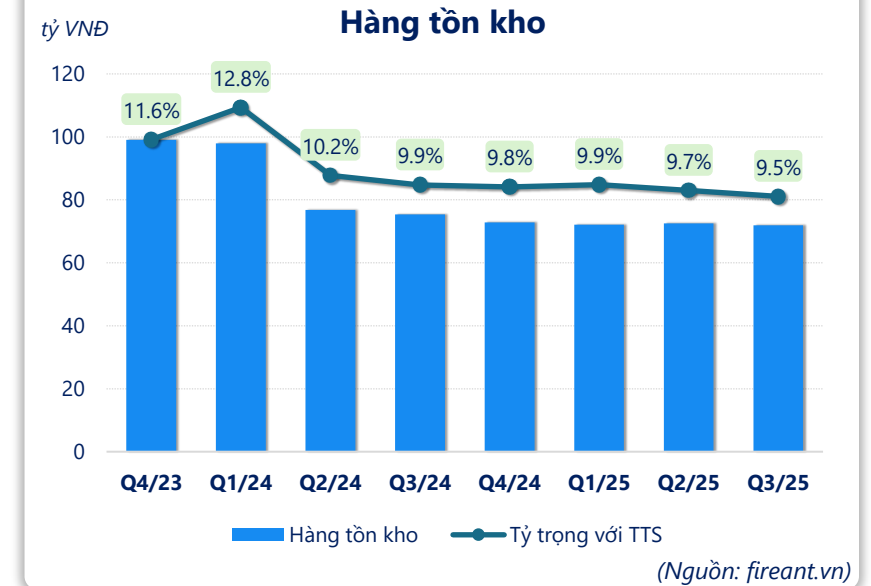
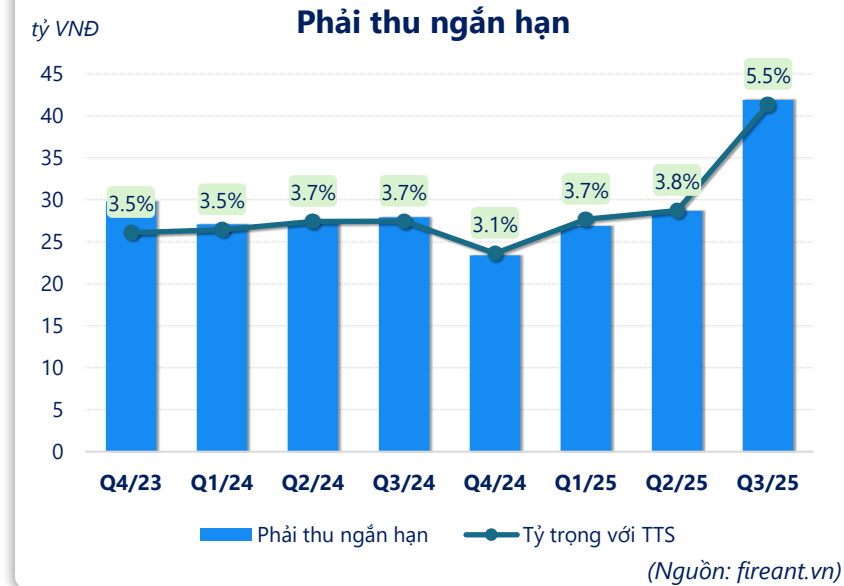
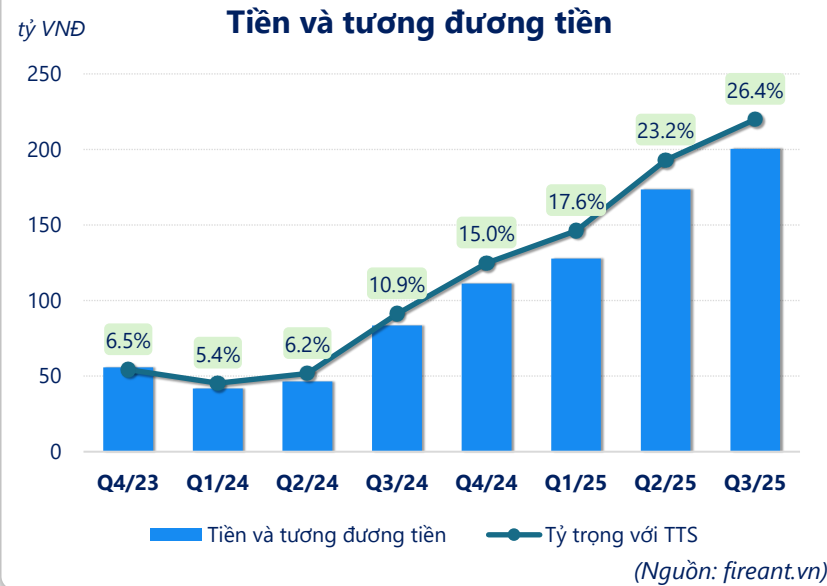
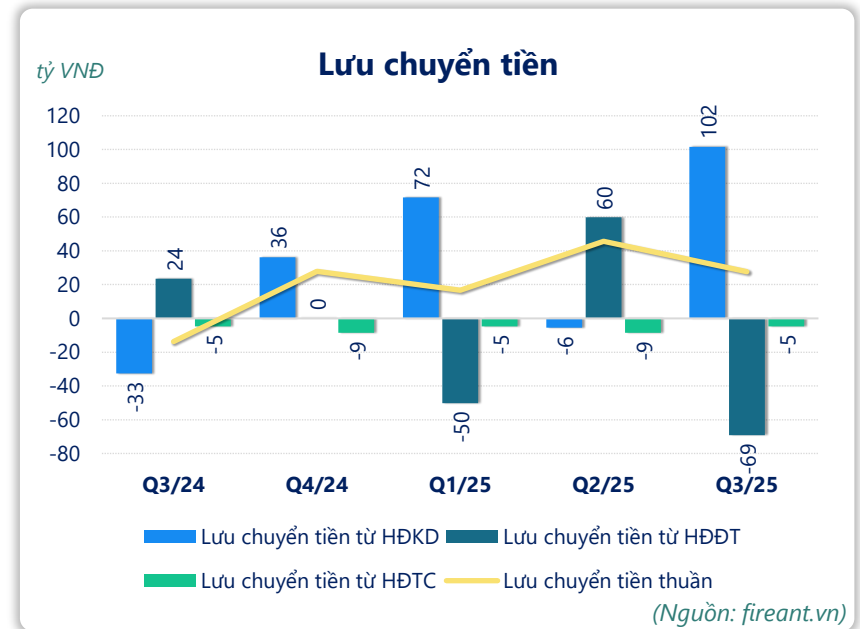
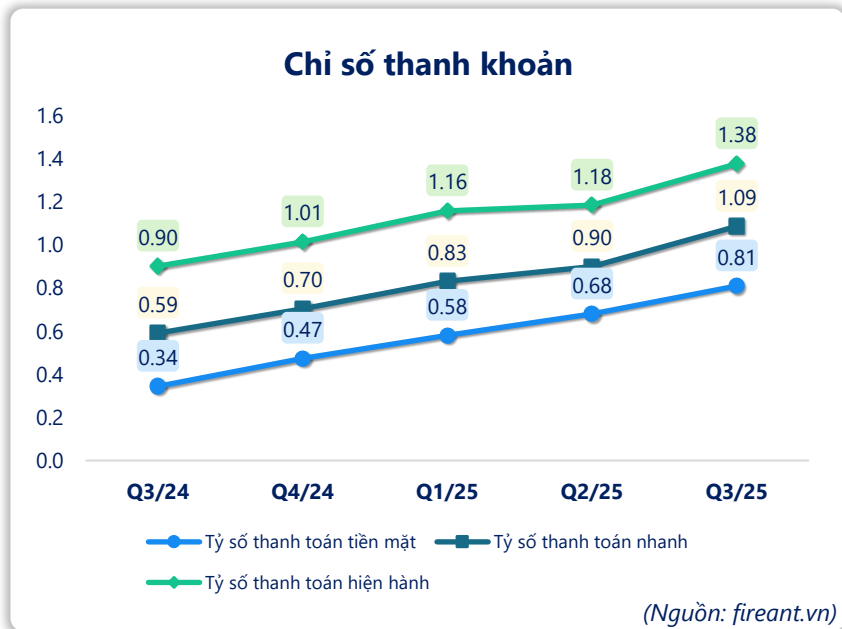
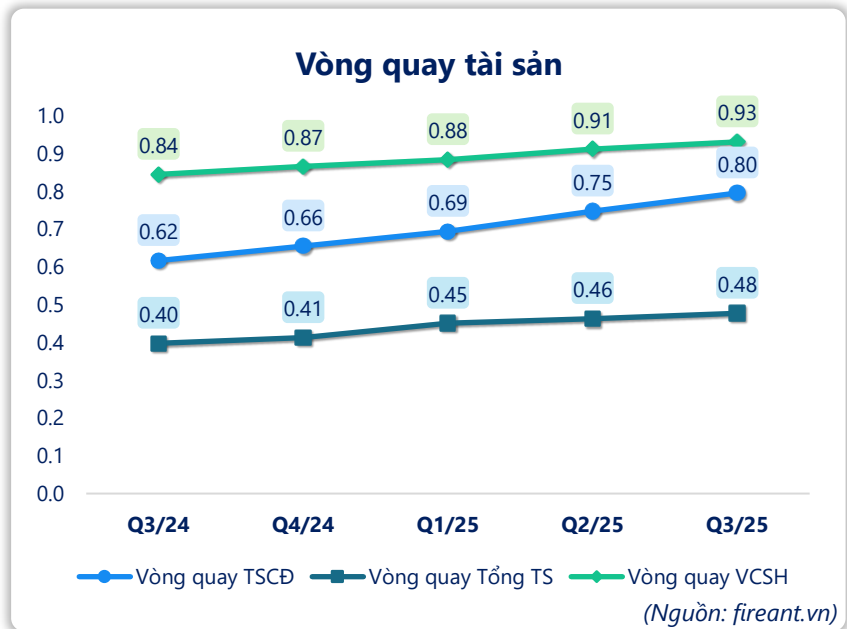
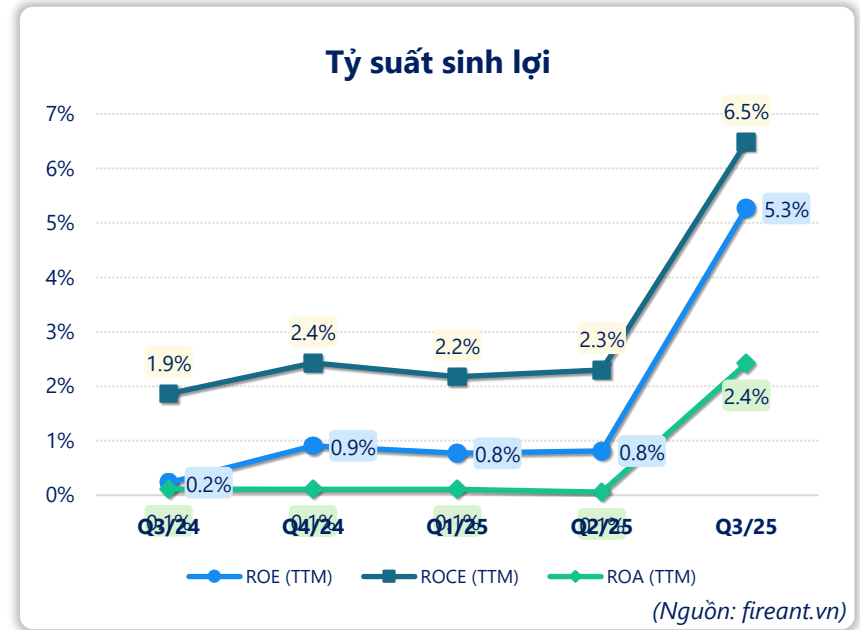
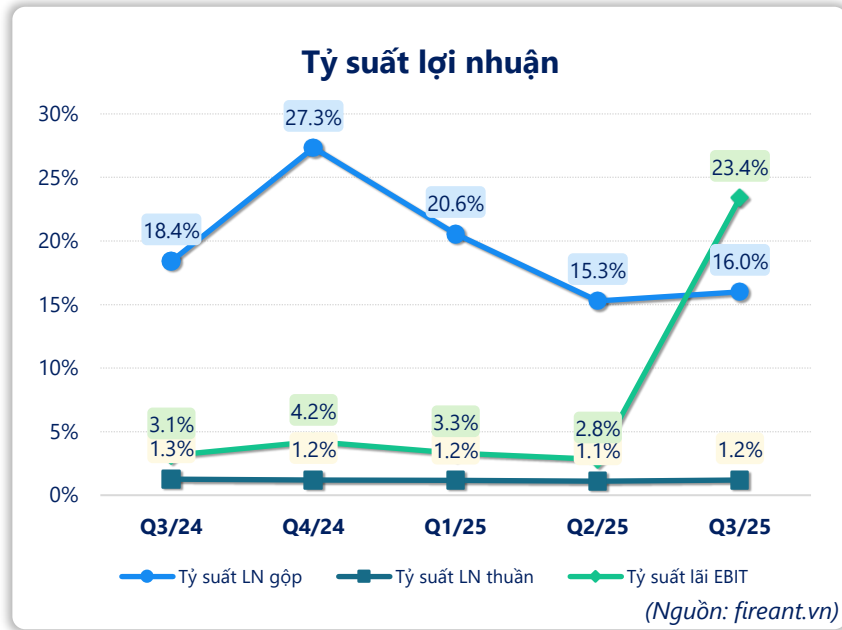
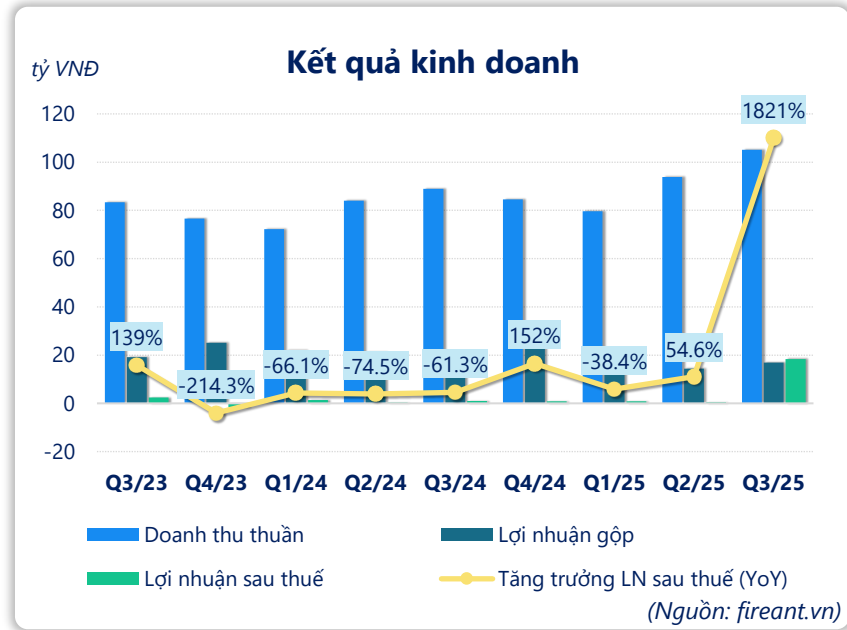


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,900
SL cổ phiếu LH		37,385,983
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		344
P/E		16.7
EPS		549

	YTD	1T	3T	6T
NAW	16.5%	0.0%	-1.1%	13.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	760	743	2.3%
Tài sản ngắn hạn	341	239	42.7%
Tiền và tương đương tiền	201	111	80.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.5	25.9	2.4%
Phải thu ngắn hạn	41.9	24.5	71.1%
Hàng tồn kho	71.9	72.8	-1.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	4.45	-98.3%
Tài sản dài hạn	419	504	-16.9%
Phải thu dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản cố định	393	478	-17.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.56	6.29	20.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	13.3	13.4	-0.9%
Tài sản dài hạn khác	4.26	5.39	-21.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	360	361	-0.3%
Nợ ngắn hạn	248	235	5.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.8	26.7	-18.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	47.5	54.0	-12.2%
Nợ dài hạn	113	126	-10.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	113	126	-10.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	381	4.8%
Vốn chủ sở hữu	400	381	4.8%
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	89.0	84.6	79.7	93.9	105
Giá vốn hàng bán	72.6	61.4	63.3	79.5	88.3
Lợi nhuận gộp	16.4	23.1	16.4	14.3	16.8
Doanh thu HĐTC	0.13	0.90	0.10	1.26	0.73
Chi phí TC	1.61	2.45	1.60	2.24	1.59
Chi phí lãi vay	1.61	2.45	1.60	2.11	1.59
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.97	4.22	4.25	3.78	4.16
Chi phí QLDN	9.80	16.3	9.71	8.56	10.6
LN thuần từ HĐKD	1.12	1.02	0.92	1.04	1.25
Lợi nhuận khác	0.06	0.08	0.11	-0.50	21.8
LN trước thuế	1.18	1.10	1.04	0.54	23.0
Lợi nhuận sau thuế	0.94	0.88	0.83	0.43	18.4
LNST của CĐ cty mẹ	0.94	0.88	0.83	0.43	18.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-32.5	36.2	71.6	-5.57	102
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	23.6	0.24	-50.2	59.8	-69.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.78	-8.56	-4.78	-8.60	-4.78
Tiền đầu kỳ	47.6	109	137	154	173
Lưu chuyển tiền thuần	-13.7	27.9	16.6	45.7	27.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	109	137	154	173	227

(Nguồn: fireant.vn)